TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 211/2019/HS-ST
Ngày: 05 - 11 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hùng Dương;
2. Ông Nguyễn Minh Trí.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 175/2019/TLST-HS ngày 19 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 210/2019/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn M,** sinh năm 1990. Tại: S. Nơi ĐKHKTT: Ấp 22, xã V, huyện T, tỉnh S. Trình độ học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M và bà Phan Thị Đ; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự; nhân thân: không; Bị cáo bị bắt ngày 11/4/2019 và tạm giam cho đến nay; có mặt.

- *Bị hại*: Bà Ma Thị T, sinh năm 1997. Địa chỉ: Thôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đ. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1968. Địa chỉ: Số A28/23, ấp 1, xã B, huyện B, Thành phố H. (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Ái Tường V, sinh năm 1997. Địa chỉ: Số 1354, phường 9, Quận 8, Thành phố H. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Ái Tường V, sinh năm 1997. Địa chỉ: số 1354, Phường 9, Quận 8, Thành phố H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2017 nhưng không đăng ký kết hôn. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 11/4/2019, M điều khiển

xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter biển số 59N2 – 997.XX chở V đi từ Quận 8, Thành phố H đến thị trấn T, thị xã T, tỉnh B để thăm mẹ của M. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, M chở V về Quận 8, Thành phố H. Khi đi đến đường Phú Lợi thuộc phường Phú Lợi, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương thì M rủ V cướp giật tài sản để bán lấy tiền tiêu xài thì V không đồng ý và nói với M "Thôi về đi", M không nói gì và tiếp tục điều khiển xe chở V đi. Khi M chở bà V đi trên đường T, đoạn thuộc khu 2, phường P, thành phố T thì M nhìn thấy bà Ma Thị T, sinh năm 1997. Địa chỉ thường trú tại thôn E, xã E, huyện K, tỉnh Đ đang điều khiển xe đạp điện đi ngược chiều với M, trong túi áo khoác của T có để 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu vàng nên M điều khiển xe quay lại và tăng ga đuổi theo T. Chị V thấy vậy nên hỏi M "Sao không về đi mà đi đâu hoài vậy?" thì M nói "Có con mồi kìa" rồi áp sát bên trái xe bà T rồi dùng tay phải giật chiếc điện thoại của T thì bị T giữ tay lại nên M, V và T cùng ngã xuống đường. Lúc này, Công an phường Phú Hòa đang tuần tra trên đường Thích Quảng Đức nghe tiếng bà T truy hô nên bắt giữ M và bà V cùng vật chứng là 01 chiếc điện thoại di động hiệu Vivo màu vàng và xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter biển số 59N2 – 997.XX. Cùng ngày, Công an phường Phú Hòa chuyển hồ sơ vụ việc đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một xử lý theo thẩm quyền.

Ngày 17/4/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thủ Dầu Một có Kết luận định giá số 128/KLTS-TTHS, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu vàng trị giá 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng).

Ngày 19/4/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định xử lý vật chứng số 110 giao trả 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu vàng cho bà Ma Thị T. Hiện tại, bà Ma Thị T không yêu cầu Nguyễn Văn M bồi thường gì khác.

Đối với bà Nguyễn Ái Tường V, quá trình điều tra xác định: Khi M rủ V thực hiện hành vi cướp giật tài sản thì bà V không đồng ý, V không biết việc M vẫn có ý định thực hiện hành vi cướp giật tài sản nên khi M cướp giật điện thoại di động của bà T thì V không phản ứng kịp nên hành vi của bà V không cấu thành tội phạm. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một không đề cập xử lý.

Xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter, biển số 59N2 - 997.XX (số máy G3E6E0322994, số khung MH3UG0710HK223246) do ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1968. Địa chỉ: số A28/23, ấp 1, xã B, huyện B, Thành phố H đứng tên trên Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô (Ông C là cha ruột của bà Nguyễn Ái Tường V). Ngày 11/4/2019, ông C cho M và bà V mượn xe mô tô trên để đi công việc nhưng ông C không biết việc M sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện phạm tội. Ngày 11/7/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định xử lý vật chứng số 149 giao trả xe mô tô trên cho ông Nguyễn Văn C.

Cáo trạng số 193/CT-VKS-HS ngày 09/9/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Văn M về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn M đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M mức hình phạt từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

Bị cáo Nguyễn Văn M không có ý kiến tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 11/4/2019 Nguyễn Văn M điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Jupiter biển số 59N2 – 997.XX chở bà Nguyễn Ái Tường V lưu thông trên đường Thích Quảng Đức thì phát hiện bà Ma Thị T đi xe đạp ngược chiều, mặc áo khoác, bên trong có chiếc điện thoại di động hiệu Vivo màu vàng nên M quay đầu xe, tăng ga đuổi theo bà T, sau đó áp sát dùng tay phải giật điện thoại thì bị bà T giữ tay lại nên cả ba bị té ngã xuống đường, M bị truy hô và bắt giữ. Tài sản mà bị cáo cướp giật của bà Ma Thị T có trị giá 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng) nên hành vi mà bị cáo thực hiện đã hội đủ yếu tố cấu thành tội "Cướp giật tài sản" với tình tiết định khung "dùng thủ đoạn nguy hiểm" được qui định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật chỉ vì tham lam, lười lao động mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó để có tác dụng giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật, đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm chung, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, tài sản đã thu hồi và giao trả cho bị hại. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Đối chiếu với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, căn cứ vào nhân thân bị cáo, xét mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với bị cáo phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị hại bà Ma Thị T đã nhận lại tài sản và không còn yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về vật chứng của vụ án: Không có.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, của Bộ luật Hình sự; Các Điều 136, 260 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội "Cướp giật tài sản".

1./ Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/4/2019.

2./ Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

3./ Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn M phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Sở Tư Pháp tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Tâm